

Bản án số: 87/2025/DS-PT
Ngày: 20-11-2025
V/v Yêu cầu bồi hoàn tiền
bảo hiểm

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Giang

Các Thẩm phán: Bà Dương Thị Vân;

Ông Phạm Hải Nam.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thanh Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 20-11-2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý 67/TLPT-DS ngày 09-10-2025 về việc “Yêu cầu bồi hoàn tiền bảo hiểm”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2025/DS-ST ngày 07-8-2025 của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Quảng Ngãi bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 154/2025/QĐ-PT ngày 20-10-2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Tổng Công ty cổ phần B (sau đây viết là Công ty B); địa chỉ: Số B đường T, phường S, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Anh T – Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền:

- Ông Phạm Đình Tuấn A; địa chỉ: Số B đường T, phường S, Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

- Bà Lê Thị Thu H; địa chỉ: Số B đường N, phường T, thành phố Đà Nẵng; vắng mặt.

- Bà Nguyễn Thị Minh T1; địa chỉ: Số B đường T, phường Đ, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt.

2. *Bị đơn*: Ông Chu Quang P, sinh năm 1979; địa chỉ: Số A đường N, tổ E, phường K, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

3.1. Tổng Công ty cổ phần B2 (*sau đây viết là PJ*); địa chỉ: Tầng B, tòa nhà M, số B phố T, phường Đ, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Hương G – Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền:

- Bà Phan Thị Kiều D; địa chỉ: Số F đường H, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

- Bà Trần Hồng N; địa chỉ: Tầng B, tòa nhà M, số B phố T, phường Đ, Thành phố Hà Nội; vắng mặt.

- Ông Trần Văn N1; địa chỉ: Số B đường L, phường D, tỉnh Gia Lai; có đơn xin xét xử vắng mặt.

3.2. Tổng công ty TNHH G1; địa chỉ: Cụm C, xã Đ, Thành phố Đà Nẵng (*sau đây viết là Công ty G2*).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Gerd Josef T2 – Tổng Giám đốc; vắng mặt.

4. *Người kháng cáo*: Tổng công ty cổ phần B là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Theo Đơn khởi kiện ngày 23-11-2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Tổng Công ty cổ phần B trình bày:

Ngày 08-01-2022, Công ty cổ phần B Đà Nẵng (*sau đây viết tắt là B3*) đã cấp Đơn bảo hiểm số VPA/01612455 cho Công ty G2, đối tượng bảo hiểm là xe ô tô biển kiểm soát (*sau đây được viết tắt là BKS*) 92LD-001.95, thời hạn bảo hiểm từ 08-01-2022 đến 08-01-2023. Phạm vi bảo hiểm trách nhiệm dân sự: Về người 150 triệu đồng/người/vụ; tài sản 100 triệu đồng/vụ; bảo hiểm vật chất xe: 670.000.000 đồng.

Ngày 27-01-2022, tại km 32+970, Quốc lộ A thuộc thôn P, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam, xe ô tô 92LD-001.95 va chạm với xe ô tô 82C-010.03 xảy ra tai nạn.

Ngày 16-02-2022, Phòng C Công an tỉnh Q ra Thông báo kết quả điều tra xác minh giải quyết vụ tai nạn, xác định nguyên nhân của vụ tai nạn giao thông là do ông Chu Quang P điều khiển xe ô tô BKS 82C-010.03 không giảm tốc độ, không nhường đường cho xe đi ngược chiều khi gặp chướng ngại vật phía trước dẫn đến va chạm với xe ô tô BKS 92LD-001.95 đi ngược chiều đến.

Ngày 22-02-2022, Công ty G2 là chủ xe BKS 92LD-001.95 và ông P thỏa thuận giải quyết dân sự, theo đó ông P chịu trách nhiệm sửa chữa xe BKS 92LD-

001.95. Do vậy ông P phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại hư hỏng của xe BKS 92LD-001.95.

Ngày 31-03-2022, Công ty B ra Thông báo bồi thường số tiền 84.561.000 đồng cho Công ty G2. Ngày 01-04-2022, Công ty G2 có Giấy biên nhận và thể nhiệm cho Công ty B.

Ngày 25-04 và 25-5-2022, B3 02 lần gửi Công văn cho ông P về yêu cầu bồi thường thiệt hại, nhưng không nhận được phản hồi từ ông P.

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 1 Điều 17, khoản 1 Điều 49 Luật Kinh doanh bảo hiểm, Công ty B yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông P bồi hoàn tiền bảo hiểm với số tiền 84.561.000 đồng và trả lãi chậm trả theo mức lãi suất 10%/năm, thời gian chậm trả kể từ ngày Công ty G2 có Giấy biên nhận và thể nhiệm cho Công ty B (01-4-2022) đến ngày xét xử 07-8-2025 là 28.346.713 đồng và lãi phát sinh đến khi ông P thanh toán hết số tiền bảo hiểm.

2. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Chu Quang P trình bày:

Ông P thừa nhận điều khiển xe BKS 82C-010.03 va chạm và gây thiệt hại cho xe BKS 92LD-001.95, nhưng ông P không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vì trong quá trình sửa chữa, thay thế phụ tùng xe BKS 92LD.00195 không có sự thống nhất của 3 bên về từng khoản phụ tùng bị hư hỏng phải thay thế. Trong đó ông P không được chứng kiến, không được ký xác nhận các phụ tùng bị hư hỏng của xe và không được sự thống nhất của ông P về giá của các phụ tùng thay thế. Ông P đã 02 lần xuống đơn vị sửa chữa xe tại Đà Nẵng, nhưng không có ai trực tiếp làm việc với ông về nội dung thay thế phụ tùng bị hư hỏng của xe BKS 92LD.00195.

Mặt khác, tại thời điểm gây tai nạn thì ông P cũng tham gia bảo hiểm cho xe ô tô BKS 82C 01003 tại PJ Gia Lai. Do đó, để ông P có cơ sở yêu cầu PJ thanh toán tiền bảo hiểm cho ông, thì phải có các tài liệu chứng cứ nêu trên và các phụ tùng hư hỏng bị thay thế của xe BKS 92LD-001.95. Thực tế không có các phụ tùng bị hư hỏng của xe BKS 92LD-001.95 và các tài liệu nêu trên nên PJ không thanh toán tiền bảo hiểm cho ông P.

Trong quá trình giải quyết vụ tai nạn thì đại diện của P2 và Công ty B đã làm việc cùng nhau để giải quyết vụ việc. Do đó, để có cơ sở PJ thay mặt ông P thanh toán tiền bảo hiểm cho Công ty B, thì ông P yêu cầu Công ty B cung cấp cho ông bản chính (Bản gốc) các tài liệu, chứng cứ của việc sửa chữa xe 92LD-001.95: Hợp đồng, Biên bản nghiệm thu, thanh lý, bàn giao xe; Biên bản ghi rõ số tiền sửa chữa xe; Biên bản giám định thiệt hại xe; Báo giá sửa chữa xe; Hóa đơn sửa chữa xe xuất cho ông P; Biên bản vật tư thu hồi phụ tùng hư hỏng có kèm vật chứng thực tế đã được thay thế. Tất cả các tài liệu này phải được ba bên thống nhất ký xác nhận tại thời điểm giám định, thời điểm thỏa thuận.

3. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn PJ trình bày:

Ngày 03-11-2021, ông P chủ xe ô tô BKS 82C-010.03 đã tham gia Bảo hiểm trách nhiệm dân sự tại PJ Gia Lai theo Giấy chứng nhận bảo hiểm số 2100438259, thời hạn từ 07 giờ ngày 03-11-2021 đến 07 giờ ngày 03-11-2022.

Ngày 11-02-2022, PJICO đã có văn bản đề nghị cung cấp hồ sơ liên quan đến vụ tai nạn của xe BKS 82C-010.03 gửi Phòng CSGT và ông P. Sau đó, cán bộ PJ Gia Lai đã chủ động liên hệ với Công ty TNHH MTV ô tô S xin báo giá sửa chữa của xe ô tô BKS 92LD-001.95 và được cung cấp bản scan, với số tiền báo giá sửa chữa là 93.131.000 đồng. PJ Gia Lai đã xem xét và tiến hành dự tính sơ bộ phương án sửa chữa. Tuy nhiên, để tính toán được số tiền bồi thường và hoàn thiện hồ sơ bồi thường theo quy định pháp luật, PJ đã nhiều lần liên hệ và hướng dẫn ông P cung cấp bản gốc hồ sơ gồm: Báo giá sửa chữa, Hợp đồng sửa chữa, thanh lý hợp đồng sửa chữa, Biên bản bàn giao xe, Hóa đơn sửa chữa và các vật tư thu hồi sau khi thay thế phụ tùng liên quan tổn thất.

Đến thời điểm hiện tại PJICO vẫn chưa nhận được bất kỳ tài liệu, chứng từ nào từ phía ông P cung cấp, nên PJ không có đủ tài liệu, hồ sơ hợp lệ theo quy định của pháp luật để giải quyết bồi thường.

Căn cứ điểm c khoản 5 Điều 18 Nghị định 03/2021/NĐ-CP quy định về bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới (sau đây được viết tắt là Nghị định 03/2021/NĐ-CP), ông P có trách nhiệm thu thập và cung cấp tài liệu theo quy định pháp luật. Đồng thời, căn cứ điểm a khoản 3 Điều 15 Nghị định 03/2021/NĐ-CP, ông P có trách nhiệm cung cấp hóa đơn, chứng từ hợp lệ về việc sửa chữa, thay mới tài sản bị thiệt hại do tai nạn giao thông gây ra.

Quá trình tiếp nhận thông tin tổn thất đến thu thập hồ sơ Công an và hướng dẫn người được bảo hiểm cung cấp hồ sơ, chứng từ làm cơ sở xem xét giải quyết bồi thường, PJ luôn tuân thủ quy định pháp luật về trách nhiệm và nghĩa vụ của doanh nghiệp bảo hiểm. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại ông P vẫn chưa thực hiện trách nhiệm cung cấp các chứng từ, hóa đơn và tài liệu hợp lệ theo yêu cầu của PJ. Do đó, PJ không có đủ cơ sở xem xét giải quyết bồi thường (nếu có) theo quy định tại khoản 3 Điều 16 Nghị định 03/2021/NĐ-CP.

4. Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2025/DS-ST ngày 07-8-2025 của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Quảng Ngãi đã tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty B đối với ông Chu Quang P về yêu cầu thanh toán số tiền 112.907.713 đồng (trong đó số tiền bảo hiểm là 84.561.000 đồng, tiền lãi suất là 28.346.713 đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

5. Ngày 18-8-2025, nguyên đơn Công ty B có đơn kháng cáo: yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Chu Quang P phải bồi thường số tiền 84.561.000 đồng và tiền lãi chậm trả theo quy định pháp luật.

6. Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tại phiên tòa phúc thẩm:

6.1. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng về xác định quan hệ pháp luật, tư cách đương sự, tổng đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử, thời gian gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định về trình tự, thủ tục phiên tòa; nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật.

6.2. Về quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử: Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2025/DS-ST ngày 07-8-2025 của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Quảng Ngãi .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thời hạn kháng cáo, hình thức và nội dung đơn kháng cáo đúng quy định tại Điều 272, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên đơn kháng cáo của Công ty B được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt. Căn cứ Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự này.

[2] Về nội dung:

[2.1] Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị đơn ông Chu Quang P có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho Công ty G2 trong vụ tai nạn xảy ra vào lúc 08 giờ 34 phút ngày 27-01-2022 tại km 32+970, Quốc lộ A thuộc thôn P, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam (nay là xã Đ, thành phố Đà Nẵng), giữa xe ô tô BKS 82C-010.03 do ông P điều khiển với xe ô tô biển BKS 92LD-001.95 của Công ty G2 do ông Jens K điều khiển là phù hợp với tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp và lời thừa nhận của bị đơn.

[2.2] Công ty G2 có tham gia bảo hiểm trách nhiệm dân sự tại Công ty B1 đối với xe ô tô BKS 92LD-001.95, nên Công ty B1 đã thanh toán tiền bảo hiểm đối với khoản tiền sửa chữa xe ô tô BKS 92LD-001.95 cho Công ty G2 là 84.561.000 đồng. Ngày 01-4-2022 Công ty G2 ban hành Giấy xác nhận và thế quyền, có nội dung chuyển giao quyền cho bên thế quyền là Công ty B liên quan đến số tiền bảo hiểm trong vụ tai nạn giao thông nêu trên. Vì vậy, Công ty B có quyền yêu cầu ông P bồi hoàn số tiền bảo hiểm mà Công ty B đã bồi thường cho Công ty G2 theo quy định tại Điều 365 Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm e khoản 1 Điều 17, khoản 1 Điều 49 Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2000.

[2.3] Theo quy định tại Điều 48 Luật kinh doanh bảo hiểm năm 2000 và khoản 1 Điều 12 Nghị định số 03/2021/NĐ-CP ngày 15-01-2021 của Chính phủ về bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới thì ông P được tham

gia thực hiện việc giám định tổn thất và phải ký vào biên bản kết quả giám định. Tuy nhiên, sau khi tai nạn giao thông xảy ra, ngày 24-02-2022 và ngày 27-02-2022 khi lập biên bản giám định thiệt hại xe cơ giới chỉ có ông Đinh Đức T3 là giám định viên của Công ty B và ông Jens K là người điều khiển xe ô tô BKS 92LD-001.95 ký tên, không có ông P tham gia. Đến ngày 25-4-2022 Công ty B1 mới gửi Văn bản số 0089/2022-BMĐN về việc đòi bồi thường bên thứ 3 do gây thiệt hại xe ô tô BKS 92LD-001.95 cho ông P.

[2.4] Ông P có tham gia bảo hiểm trách nhiệm dân sự tại PJ đối với xe ô tô BKS 82C-010.03, nhưng như nhận định tại mục [2.3] của bản án này, ông P đã không cung cấp hóa đơn, chứng từ hợp lệ về việc sửa chữa, thay mới tài sản bị thiệt hại do tai nạn giao thông gây ra cho bên PJ theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 15 Nghị định 03/2021/NĐ-CP nên PJ cũng không có căn cứ xem xét, giải quyết bồi thường cho ông P.

[3] Từ những phân tích, nhận định nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết có căn cứ, đúng pháp luật, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự. Tại cấp phúc thẩm, Công ty B không cung cấp được chứng cứ mới nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của Công ty B, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Công ty B phải chịu án phí phúc thẩm số tiền 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm Công ty B đã nộp theo biên lai thu số 0001065 ngày 12-9-2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của Tổng công ty cổ phần B, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 06/2025/DSST ngày 07-8-2025, của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Quảng Ngãi.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Tổng Công ty Cổ phần B phải chịu án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*), được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0001065 ngày 12-9-2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- TAND khu vực 7 - Quảng Ngãi;
- Phòng THADS khu vực 7 - Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa Dân sự.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Lê Thị Mỹ Giang